

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 5169/QĐ-ĐHQGHN ngày 28 tháng 12 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

NGÀNH: QUẢN LÝ

MÃ SỐ: THÍ ĐIỂM (7340108QTD)

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý
 - + Tiếng Anh: Management
- Mã số ngành đào tạo: thí điểm (7340108QTD)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh
- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Bằng do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp:
 - Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản lý
 - Tiếng Anh: Bachelor in Management
 - + Bằng do trường Đại học Keuka, Hoa Kỳ cấp:
 - Tiếng Việt: Cử nhân khoa học ngành Quản lý
 - Tiếng Anh: Bachelor of Science in Management
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản lý do ĐHQGHN và Trường Đại học Keuka (Hoa Kỳ) cùng cấp bằng là đào tạo nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của Việt Nam hiện tại và trong tương

lai, đồng thời học tập và chuyên giao phương pháp giảng dạy của nước ngoài, nhất là của một nước phát triển như Hoa Kỳ vào Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu đó, chương trình kết hợp kiến thức, kinh nghiệm đào tạo giữa một đơn vị đào tạo có uy tín trong nước, đơn vị am hiểu nhu cầu đặc thù của Việt Nam về ngành đào tạo cũng như các đòi hỏi của thị trường tuyển dụng với một trường đại học uy tín tại Hoa Kỳ, nơi có kinh nghiệm đào tạo ngành Quản lý mang tầm quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình có các mục tiêu cụ thể như sau:

PO1: Đào tạo đội ngũ nhân sự có kiến thức chuyên môn sâu và đa dạng trong lĩnh vực quản lý các doanh nghiệp và các tổ chức phi lợi nhuận.

PO2: Đào tạo đội ngũ chuyên gia có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, hoạch định và giải quyết các vấn đề quản trị trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

PO3: Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tự học và nghiên cứu suốt đời, tiếp tục học bổ sung các chứng chỉ nghề nghiệp hoặc chương trình đào tạo sau đại học, học trao đổi và liên thông tại các trường đại học uy tín trên thế giới.

PO4: Đào tạo đội ngũ nhân sự có sức khỏe tốt, có ý thức, tuân thủ các quy tắc ứng xử trong tổ chức, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, có thái độ nghiêm túc, cầu thị trong thực hiện nhiệm vụ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt và hướng dẫn tuyển sinh đại học hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN, dự kiến như sau:

3.1. Hình thức tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

3.1.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của BGDĐT và quy định của ĐHQGHN;

3.1.2. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT);

3.1.3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức;

3.1.4. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp: (1) Kết quả học tập bậc THPT và phỏng vấn; (2) Kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN; (3) Kết quả thi tốt nghiệp THPT hàng năm;

3.1.5. Xét tuyển các phương thức khác:

+ Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM;

+ Xét tuyển các chứng chỉ quốc tế, kết quả các kì thi chuẩn hóa, bao gồm: (1) Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (A-Level); (2) Kết quả kì thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); (3) Kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing); Bằng Tú tài quốc tế (IB);

+ Xét tuyển thí sinh quốc tế đáp ứng các yêu cầu theo quy định của ĐHQGHN và BGDĐT.

3.1.6. Các tổ hợp xét tuyển:

Dự kiến gồm Toán, Vật lí, Hóa (khối A00); Toán, Vật lí, Tiếng Anh (khối A01), Toán, Văn, Tiếng Anh (khối D01); Toán, Văn, Tiếng Pháp (Khối D03); Toán, Văn, Tiếng Nhật (khối D06); Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Anh (D96); Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Pháp (khối D97); Toán, Khoa học Xã hội, Tiếng Nhật (Khối DD0) (có thể điều chỉnh theo Đề án tuyển sinh hàng năm được ĐHQGHN phê duyệt).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT), bao gồm:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Thí sinh (trừ đối tượng xét tuyển theo các phương thức Xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Vương quốc Anh (A-Level) và Xét tuyển thí sinh quốc tế có kết quả môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) của kỳ thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 6,0 điểm theo thang điểm 10 hoặc có kết quả học tập từng kỳ (6 học kỳ) môn Ngoại ngữ (tiếng Anh/tiếng Pháp/tiếng Nhật) bậc THPT đạt tối thiểu 7,0 điểm hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Thực hiện theo chỉ tiêu tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt hằng năm.

3.4. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ

- Sinh viên Chương trình cấp hai bằng cử nhân ngành Quản lý (ĐHQGHN và Trường Đại học Keuka, Hoa Kỳ) cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu để được công nhận là sinh viên chính thức.

- Sinh viên Chương trình cấp hai bằng cử nhân ngành Quản lý (bởi ĐHQGHN và Trường ĐH Keuka, Hoa Kỳ) phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0; hoặc có chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra tối thiểu bậc 4/6 theo quy định của ĐHQGHN và đồng thời đạt điểm môn ENG104 từ 6/9 điểm trở lên mới được xét công nhận tốt nghiệp.

- Sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ nói trên có thể tham gia chương trình tiếng Anh dự bị của Trường Quốc tế để đạt trình độ tiếng Anh theo quy định.

3.5. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh và tuyển thẳng

Chính sách tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN (cụ thể theo Đề án tuyển sinh được phê duyệt hàng năm).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra

1.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- CĐR 1: Vận dụng các lý thuyết, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; ngoại ngữ (tiếng Anh) trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp.

- CĐR 2: Vận dụng kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, lịch sử, văn hóa, tâm lý học làm nền tảng cho việc nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh trong thực tế.

- CĐR 3: Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật để phân tích và đưa ra phương án giải quyết các vấn đề cụ thể nảy sinh trong các hoạt động kinh tế.

- CĐR 4: Khai thác được kiến thức về các học thuyết và quy luật kinh tế, cách thức vận hành của thị trường, vai trò tác động của chính phủ đối với nền kinh tế để phân tích, ra quyết định quản lý trong kinh doanh.

- CĐR 5: Lý giải được các kiến thức về khoa học quản lý vào quá trình khởi sự và tạo lập doanh nghiệp, đồng thời xử lý các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực quản trị.

- CĐR 6: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành về khoa học quản lý để có thể bước đầu tham gia đề xuất, và tổ chức triển khai các chiến lược tổng thể và các chiến lược chức năng như marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

1.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

1.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- CĐR 7: Vận dụng kỹ năng tổng hợp và phân tích thông tin và dữ liệu liên quan để giải quyết các tình huống quản trị thực tiễn của doanh nghiệp.

- CĐR 8: Vận dụng kỹ năng tự học tập và cập nhật kiến thức từ sách, báo cáo khoa học và các tài liệu hỗ trợ.

- CĐR 9: Xây dựng năng lực phân tích vấn đề một cách khoa học, tư duy sáng tạo, đổi mới trong tiếp cận và ứng dụng công nghệ, giải quyết vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

1.2.2. Kỹ năng hỗ trợ

- CĐR 10: Xây dựng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, thuyết phục để đạt được mục tiêu kinh doanh; giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu) hoặc IELTS 6.0

- CDR 11: Xây dựng và hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau, giao việc theo đúng khả năng, điểm mạnh của các thành viên để xây dựng và chia sẻ các giải pháp quản trị và thích ứng với môi trường quản trị trong kỷ nguyên số.

- CDR 12. Thiết lập kỹ năng sử dụng phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh.

1.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- CDR 13: Thiết lập khả năng tự chủ trong nghiên cứu, sử dụng thành thạo kiến thức và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong chương trình học kết hợp với tài liệu tham khảo để tìm hiểu và đưa ra giải pháp cho vấn đề quản trị của doanh nghiệp.

- CDR 14: Thiết lập năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị để giải quyết các vấn đề tác nghiệp trong hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

- CDR 15: Xây dựng phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có trách nhiệm, chủ động, chính trực trong học tập và công việc.

1.4. Khả năng nâng cao trình độ và những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Quản lý song bằng theo chuẩn Hoa Kỳ có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, hoặc hướng tới những vị trí làm việc trong hầu hết các doanh nghiệp, tập đoàn thuộc mọi lĩnh vực trong nước và quốc tế, các tổ chức nghiên cứu và quản lý, các tổ chức xã hội và phi chính phủ, cụ thể:

Nhóm 1 – Chuyên viên quản trị, hoạch định chiến lược: có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác, có thể đảm nhận các công việc như bán hàng, marketing, tài chính, nhân sự ..., triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án và giám đốc doanh nghiệp;

Nhóm 2 – Chuyên viên phân tích và tư vấn quản lý: có khả năng làm việc tại các công ty và tổ chức tư vấn quản trị doanh nghiệp, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan, có thể đảm nhận các công việc, trợ lý phân tích và lập báo cáo về thị trường kinh doanh, trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh, kế hoạch nhân sự, sản xuất ... của doanh nghiệp, triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức;

Nhóm 3 – Nghiên cứu viên và giảng viên: có khả năng nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu, có thể đảm nhận công việc, tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến khoa học quản lý, trợ lý giảng dạy, giảng viên dạy các học phần về quản trị nguồn nhân lực, marketing, chiến lược, tài chính ... triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp, nhà quản lý trong lĩnh vực khoa học quản lý.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

132 tín chỉ

(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, kỹ năng bổ trợ)

- Khối kiến thức chung

16 tín chỉ

(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, kỹ năng bổ trợ)

- Khối kiến thức theo lĩnh vực:

28 tín chỉ

- Khối kiến thức theo khối ngành:

21 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc

21 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn

0 tín chỉ

- Khối kiến thức theo nhóm ngành

18 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc

18 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn

0 tín chỉ

- Khối kiến thức ngành

49 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc

21 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn

18 tín chỉ

+ Thực tập thực tế

4 tín chỉ

+ Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

6 tín chỉ

2. Khung chương trình

TT	Mã học phần ĐHQGHN	Mã học phần KEUKA	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
					Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, kỹ năng bổ trợ)			16				
1.	PHI1006		Triết học Mác-Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	30	90	
2.	PEC1008		Kinh tế chính trị Mác-Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2	20	20	60	PHI1006
3.	POL1001		Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	20	60	
4.	PHI1002		Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	70	PHI1006

TT	Mã học phần ĐHQGHN	Mã học phần KEUKA	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
					Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
5.	HIS1001		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary guidelines of Vietnam communist Party</i>	2	20	20	60	
6.	THL1057 (E)		Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>State and General Law</i>	2	24	12	64	
7.	INS1073		Tin học cơ sở <i>Fundamental Informatics</i>	3	17	56	77	
8.	ISV1020		Kỹ năng bổ trợ 1 (**) <i>Soft Skills 1</i>	1				
	ISV1023		Kỹ năng bổ trợ 2 (**) <i>Soft skills 2</i>	1				
	ISV1024		Kỹ năng bổ trợ 3 (**) <i>Soft skills 3</i>	1				
9.	PES1001		Giáo dục thể chất (**) <i>Physical Education</i>	4				
10.	CME1001		Giáo dục quốc phòng-an ninh (**) <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực			28				
II.1	Toán và Khoa học tự nhiên			7				
11.	INS1192	MAT102	Đại số <i>College Algebra</i>	3	23	44	83	
12.	INS1038	PHY201	Vật lý đại cương <i>Introduction to Physics</i>	4	30	60	110	
II.2	Khoa học xã hội và nhân văn			21				
13.	INS1040	ENG110	Tiếng Anh Đại học I <i>College English I</i>	3	28	22	100	
14.	INS1041	ENG112	Tiếng Anh Đại học II <i>College English II</i>	3	28	22	100	INS1040 (ENG110)
15.	INS1036	PSY 101	Tâm lý học đại cương <i>Introduction to Psychology</i>	3	34	22	94	
16.	INS1021	POL 140	Chính trị thế giới <i>World Politics</i>	3	30	30	90	
17.	INS1022	HIS 114	Nền văn minh phương Tây <i>Western Civilization</i>	3	36	18	96	
18.	INS1026	ART201	Lịch sử nghệ thuật phương Tây <i>History of Western Art</i>	3	30	30	90	
19.	INS1037	SOC101	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	3	30	30	90	
III	Khối kiến thức theo khối ngành			21				
20.	INS1027	PHL115	Đạo đức <i>Ethics</i>	3	20	38	92	

TT	Mã học phần ĐHQGHN	Mã học phần KEUKA	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
					Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
21.	INS1028	COM122	Nhập môn giao tiếp <i>Introduction to Communication</i>	3	25	40	85	
22.	INS1054	SS231	Thống kê cho khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	3	23	44	83	
23.	INS1025	COM123*	Diễn thuyết trước công chúng <i>Public Speaking</i>	3				
24.	INS1055	BUS202*	Môi trường pháp lý cho doanh nghiệp <i>Business Law</i>	3				
25.	INE1050	ECO211	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	30	30	90	
26.	INE1051	ECO210	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	24	42	84	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành			18				
27.	INS2096	MKT220*	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3				
28.	INS3142	BUS101*	Nhập môn kinh doanh và xã hội <i>Introduction to Business and Society</i>	3				
29.	INS3097	ACC101	Kế toán I: Kế toán tài chính <i>Accounting I: Financial Accounting</i>	3	28	34	98	
30.	INS2038	BUS350*	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3				INE1051 (ECO210); INE1050 (ECO211)
31.	INS2113	FIN312*	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3				INS3129 (ACC102)
32.	INS3121	KC301J*	Lãnh đạo <i>Leadership</i>	3				
V	Khối kiến thức ngành Specialized Knowledge			49				
V.I	Các học phần bắt buộc Compulsory Subjects			21				
33.	INS3009	BUS410	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	25	40	85	
34.	INS3123	MIS301	Hệ thống và công nghệ thông tin doanh nghiệp <i>Enterprise Information Systems and Technology</i>	3	24	42	84	
35.	INS3129	ACC102	Kế toán II: Kế toán quản trị <i>Accounting II: Managerial Accounting</i>	3	28	22	100	INS3097 (ACC101)
36.	INS3124	HRM208*	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resources Management</i>	3				INS3142 (BUS101*)

TT	Mã học phần ĐHQGHN	Mã học phần KEUKA	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
					Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
37.	INS3042	MKT 340	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	30	30	90	INS2096 (MKT220*)
38.	INS3091	BUS330	Quản trị vận hành và sản xuất <i>Operations Production Management</i>	3	30	30	90	INS1054 (SS231)
39.	INS3239	MGT345	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	28	32	90	
V.II	Các học phần tự chọn/Elective subjects Chọn 6 hoặc 7 học phần tương ứng với 18 tín chỉ trong số các học phần dưới đây)			18/5 4				
40.	INS3283	MKT335	Marketing số <i>Digital Marketing</i>	3	22	46	82	INS2096* (MKT220*)
41.	INS3095	MKT370	Hành vi người tiêu dùng <i>Consumer Behavior</i>	3	22	46	82	INS2096* (MKT220*)
42.	INS3094	MKT310	Lập kế hoạch marketing <i>Marketing Planning</i>	3	30	30	90	INS2096* (MKT220*)
43.	INS3093	MKT331	Quảng cáo <i>Advertising</i>	3	25	40	85	INS2096* (MKT220*)
44.	BSA3014	BUSELE	Marketing dịch vụ <i>Service Marketing</i>	3	25	40	85	INS2096* (MKT220*)
45.	INS3104	MKT320	Quan hệ công chúng <i>Public Relations</i>	3	23	44	83	INS2096* (MKT220*)
46.	INS3101	ACC301	Kế toán chi phí I <i>Cost Accounting I</i>	3	30	30	90	INS3129 (ACC102)
47.	INS3099	ACC411	Kế toán thuế thu nhập I <i>Income Tax Accounting I</i>	3	22	46	82	INS3097 (ACC101)
48.	INS3126	FIN315	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Financial Management</i>	3	22	46	82	INS2113 (FIN312)
49.	FIB3005	BUSELE	Đầu tư và quản lý danh mục đầu tư <i>Investment and Portfolio Management</i>	3	30	30	90	INS2113 (FIN312)
50.	INS3164		Thị trường và các thể chế tài chính <i>Financial Institutions and Markets</i>	3	30	30	90	INS2113 (FIN312)
51.	INS3030		Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Report Analysis</i>	3	22	46	82	INS2113 (FIN312)
52.	INS3021	BUSELE	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	30	30	90	INS1054 (SS231)
53.	INE3009	BUSELE	Quản trị dự án quốc tế <i>International Project Management</i>	3	30	30	90	INS1054 (SS231)

TT	Mã học phần ĐHQGHN	Mã học phần KEUKA	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
					Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
54.	INS3028		Quản trị rủi ro và bảo hiểm <i>Risk Management and Insurance</i>	3	27	30	93	INS1054 (SS231)
55.	INE3060		Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3	30	30	90	
56.	INS4018		Quản trị đa văn hóa <i>Cross-cultural Management</i>	2	15	30	55	INS3142 (BUS101*)
57.	INS4032		Quản trị kinh doanh bền vững <i>Sustainable Business Management</i>	2	11	38	51	INS2038 (BUS350*)
58.	BSA1055		Văn hóa kinh doanh <i>Business Culture</i>	2	24	12	64	INS2038 (BUS350*)
V.III Thực tập và tốt nghiệp				10				
Thực tập				4	0	0	200	
59.	INS4025	BUS290	Thực tập thực tế tại doanh nghiệp <i>Internship</i>	4	0	0	200	
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp				6				
60.	INS4027	BUS444*	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3				
61.	INS4026	FP 401*	Học phần trải nghiệm <i>Experiential Learning</i>	3				
Tổng số				132				

Lưu ý:

- (*) Học phần do giảng viên trường Đại học Keuka giảng dạy;
- (***) Học phần không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy;
- Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh, trừ các học phần thuộc Khối kiến thức chung (ngoài học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương, Tin học cơ sở) được giảng dạy bằng tiếng Việt.
- Sinh viên cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu để được công nhận là sinh viên chính thức.
- Sinh viên phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0 hoặc đạt điểm môn ENG104 từ 6/9 điểm trở lên mới được xét công nhận tốt nghiệp.
- Ngoài các học phần trong khung chương trình được tính tích lũy tín chỉ, sinh viên có thể đăng kí học thêm các học phần của các chương trình khác tại Trường Quốc tế và được ghi vào bảng điểm phụ nhưng không tính vào trung bình chung học tập.
- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện

tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá 